**CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ MINH THÀNH**

**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ MINH THÀNH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: MINH THANH SERVICE DEVELOPMENT INVESTMENT COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: MINH THANH SDI CO., LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108163602

**3. Ngày thành lập:** 07/02/2018

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 36 Phố Nguyễn Hoàng, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành | Mã ngành |
|---|---|---|
| 1. | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác<br>(Loại trừ hoạt động đấu giá) | *4530* |
| 2. | Bán buôn thực phẩm | *4632* |
| 3. | Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép | *4641* |
| 4. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình | *4649* |
| 5. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm | *4651* |
| 6. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh | *4752* |
| 7. | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp | *4719* |
| 8. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh | *4771* |
| 9. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh | *4773* |
| 10. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) | *4931* |
| 11. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa | *5210* |
| 12. | Bốc xếp hàng hóa | *5224* |
| 13. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải | *5229* |
| 14. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày | *5510* |
| 15. | Dịch vụ ăn uống khác | *5629* |
| 16. | Cơ sở lưu trú khác | *5590* |
| 17. | Bán mô tô, xe máy<br>(Loại trừ hoạt động đấu giá) | *4541* |

| | | |
|---|---|---|
| 18. | Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy | *4542* |
| 19. | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy<br>(Loại trừ hoạt động đấu giá) | *4543* |
| 20. | Đại lý, môi giới, đấu giá<br>Chi tiết: Đại lý, môi giới (Loại trừ môi giới chứng khoán và bảo hiểm) | *4610* |
| 21. | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống<br>(Loại trừ động vật Nhà nước cấm) | *4620* |
| 22. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông | *4652* |
| 23. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng | *4663* |
| 24. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh | *4741* |
| 25. | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh | *4742* |
| 26. | Vận tải hành khách đường bộ khác | *4932* |
| 27. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ | *4933* |
| 28. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động | *5610* |
| 29. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...) | *5621* |
| 30. | Dịch vụ phục vụ đồ uống | *5630* |
| 31. | Hoạt động cấp tín dụng khác<br>Chi tiết: Dịch vụ cầm đồ | *6492* |
| 32. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>(Loại trừ hoạt động đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất) | *6820* |
| 33. | Cho thuê xe có động cơ | *7710* |
| 34. | Đại lý du lịch | *7911* |
| 35. | Điều hành tua du lịch | *7912* |
| 36. | Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch | *7920* |
| 37. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu mặt hàng Công ty kinh doanh (trừ các mặt hàng nhà nước cấm)<br>(Thực hiện theo Điều 28, Luật Thương mại số 36/2005/QH11 được Quốc Hội ban hành ngày 14/06/2005) | *8299* |
| 38. | Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ Karaoke<br>(Thực hiện theo Điều 30 Nghị định số 103/2009/NĐ-CP ngày 06/11/2009) | *9329(Chính)* |
| 39. | Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khoẻ tương tự (trừ hoạt động thể thao) | *9610* |
| 40. | Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống) | *4512* |

| | | |
|---|---|---|
| 41. | Đại lý ô tô và xe có động cơ khác<br>(Loại trừ hoạt động đấu giá) | *4513* |
| 42. | Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác | *4520* |
| 43. | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác | *4511* |

**6. Vốn điều lệ:** 2.000.000.000 VNĐ

**7. Danh sách thành viên góp vốn:**

| STT | Tên thành viên | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | NGUYỄN VĂN THÀNH | Tổ dân phố số 4, Phường Phú Đô, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | 900.000.000 | 45,000 | 001083013137 | |
| 2 | VŨ THỊ BÌNH | Số 20, Phố Nam Dân, Thị Trấn Phát Diệm, Huyện Kim Sơn, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam | 200.000.000 | 10,000 | 164130563 | |
| 3 | VŨ QUANG MINH | Ô 3 – Lô 3-1 – Khu Tái định cư 3,6ha, Tổ dân phố số 8 Tu Hoàng, Phường Phương Canh, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | 900.000.000 | 45,000 | 037084003112 | |

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

***** Họ và tên: VŨ THỊ BÌNH Giới tính: *Nữ*
Chức danh: *Giám đốc*
Sinh ngày: *04/09/1982* Dân tộc: *Kinh* Quốc tịch: *Việt Nam*
Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*
Số giấy chứng thực cá nhân: *164130563*
Ngày cấp: *13/10/2005* Nơi cấp: *Công an tỉnh Ninh Bình*
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số 20, Phố Nam Dân, Thị Trấn Phát Diệm, Huyện Kim Sơn, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam*
Chỗ ở hiện tại: *Thôn Khả Liễu, Xã Phúc Tiến, Huyện Phú Xuyên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội